

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc
Phòng, an ninh năm 2015 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2016**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2015**

Năm 2015, là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng và là năm tổng kết, đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020. Nên ngay từ đầu năm, UBND huyện đã nghiêm túc quán triệt, tập trung điều hành và tổ chức thực hiện chỉ đạo của Tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy và Nghị quyết HĐND huyện về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015 và nhờ sự chủ động khắc phục những hạn chế, khó khăn, nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị. Vì vậy mà tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 tiếp tục phát triển khá, có nhiều chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, góp phần hoàn thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, cụ thể như sau:

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Tổng giá trị sản xuất (*Giá so sánh năm 1994*) ước cả năm đạt 7.356,9 tỷ đồng, đạt 100,15% so với kế hoạch năm 2015 và Nghị quyết HĐND huyện; tăng 18,7% so với năm 2014. Trong đó:

+ Nông, lâm, thủy sản ước cả năm đạt 803,4 tỷ đồng, đạt 100,33% kế hoạch năm; tăng 1,9% so với năm 2014.

+ Công nghiệp - xây dựng ước cả năm đạt 3.638,5 tỷ đồng, đạt 102,18% kế hoạch năm; tăng 34,2% so với năm 2014.

+ Thương mại - dịch vụ ước cả năm đạt 2.915 tỷ đồng, đạt 100,71% so kế hoạch năm; tăng 8,05% so với năm 2014.

- Cơ cấu giá trị sản xuất: Công nghiệp - xây dựng ước cả năm chiếm 49,5% (Nghị quyết HĐND 49,7%); Thương mại - dịch vụ ước cả năm chiếm 39,6% (Nghị quyết HĐND 39,4%); Nông - lâm - thủy sản ước cả năm chiếm 10,9% (Nghị quyết HĐND 10,9%).

- Bình quân giá trị sản xuất đầu người ước đạt 50 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND huyện, tăng 25% so với năm 2014.

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản và tài nguyên môi trường

a) Về nông nghiệp: Giá trị sản xuất ước cả năm đạt 212,8 tỷ đồng, đạt 100,33% kế hoạch năm; tăng 1,9% so với năm 2014.

- *Về trồng trọt:* Tổng diện tích gieo sạ cả năm 10.221 ha, đạt 100,21% kế hoạch năm.

+ Sản lượng lương thực cây có hạt thu hoạch ước thực hiện cả năm 60.506 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2014, vượt 3,77% chỉ tiêu kế hoạch năm. Trong đó, sản lượng lúa 58.770 tấn, tăng 2,65% so với năm 2014, tăng 3,44% chỉ tiêu kế hoạch năm và chỉ tiêu tỉnh giao; sản lượng ngô 1.736 tấn, tăng 20,39% so với cùng kỳ năm 2014, tăng 16,04% chỉ tiêu kế hoạch năm và chỉ tiêu tỉnh giao.

+ Diện tích mía sản xuất năm 2014 thu hoạch năm 2015 là 827 ha (trong đó trồng mới 100 ha, lưu gốc 727 ha); đã thu hoạch 827 ha, năng suất bình quân 46,14 tấn/ha, sản lượng thu hoạch đạt 38.157 tấn. So với cùng kỳ diện tích giảm 8,11%.

- *Về chăn nuôi:* Tổng đàn gia súc ước cả năm 2015 là 48.385 con, tăng 2,73% kế hoạch năm, tăng 6,14% so với năm 2014. Tổng sản lượng thịt hơi các loại 4.720 tấn, đạt 100,1% so với năm 2014, tăng 3,12% kế hoạch năm. Tỷ lệ đàn bò lai 85%.

- *Về công tác khuyến nông, lâm, ngư:* đã từng bước đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; các mô hình thâm canh giống lúa mới ĐH815-6, KD đời biến..., trồng thanh long ruột đỏ, trồng cây hồ tiêu trên cát, trồng ngô lai; các mô hình: nuôi hàu Thái Bình Dương thương phẩm, trồng nấm Linh chi, trồng nấm Bào ngư... các mô hình này đang phát triển và đạt kết quả tốt.

b) Về lâm nghiệp: Giá trị sản xuất ước cả năm đạt 19,6 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm, tăng 0,5% so với năm 2014. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 39,8%;

Trồng rừng sau khai thác 600 ha, đạt 100 Kế hoạch năm; tổng diện tích đất có rừng trên địa bàn huyện là 16.734 ha (trong đó: rừng tự nhiên 1.436 ha, rừng sản xuất 15.387 ha); phát hiện, lập biên bản 36 vụ vi phạm pháp Luật quản lý, bảo vệ rừng, tịch thu 16,199m³ gỗ các loại, nộp vào ngân sách Nhà nước 239,45 triệu đồng; tổ chức thực hiện tốt phương án giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn huyện; tiếp tục hướng dẫn chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng theo dự án KFW6, dự án Pacsa2.

c) Về thủy sản: Giá trị sản xuất ước cả năm đạt 571 tỷ đồng, đạt 100,38% kế hoạch năm, tăng 2,11% so với năm 2014.

- Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch ước cả năm đạt 65.065 tấn, đạt 102,4% kế hoạch năm, tăng 2,67% so với năm 2014. Trong đó, sản lượng thủy sản đánh bắt đạt 61.530 tấn, đạt 2,77% kế hoạch năm, tăng 2,77% so với năm 2014; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.535 tấn, đạt 96,3 % so với kế hoạch năm. bằng 100,94% so với năm 2014.

- Đóng mới, cải hoán tàu thuyền ước cả năm đạt 115 chiếc, đạt 213% kế hoạch năm; tổng công suất đóng mới là 35.300 CV, tăng gần 1,5 lần so với kế hoạch năm. Thực hiện Nghị định số 67/NĐ-CP: đóng mới 05 chiếc, hạ thủy 04 chiếc, giải ngân gần 20 tỷ đồng, mua bảo hiểm cho số tàu thuyền, thuyền viên.

- Sản lượng muối ráo năm 2015 đạt 9.500 tấn, đạt 95% so với kế hoạch năm, tăng 4,39% so với năm 2014.

d) Về tài nguyên - môi trường: Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai năm 2014; tổ chức công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2015 và đã lập, đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn huyện; phân khai chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2015 cho UBND các xã, thị trấn; báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020.

- Công tác thu hồi, giao đất, cấp giấy CNQSD đất: Trong năm, đã thông báo thu hồi đất với tổng diện tích 158.038 m²; quyết định thu hồi 186.774 m² đất để phục vụ các dự án trên địa bàn huyện; giao đất cho 126 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 19.967,5 m²; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở 201 hồ sơ, với diện tích 34.197,7 m². Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 630 thửa/3.489.007 m² (trong đó: đất ở 426 thửa/110.857 m²; đất nông nghiệp 154 thửa/142.714 m²; đất lâm nghiệp 50 thửa/3.235.435 m²). Cấp bổ sung sở hữu nhà: 22 thửa/8.784 m²

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các công trình dự án: Các dự án trên địa bàn huyện được tập trung thực hiện với quyết tâm cao, đạt được những kết quả cơ bản, phục vụ cho khởi công, xây dựng các công trình, dự án; đã ban hành 275 quyết định chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện các dự án với tổng giá trị 8,935 tỷ đồng.

- Về công tác quản lý khoáng sản, môi trường: Công tác quản lý khoáng sản, bảo vệ môi trường đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong năm, xác nhận đăng ký Bảng cam kết, Kế hoạch bảo vệ môi trường cho 16 Dự án, công trình trên địa bàn huyện; tổ chức tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và Tuần lễ biển đảo Việt Nam năm 2015; đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện; rà soát, quy hoạch các khu vực đất đồi, đá chẻ, cát sỏi lòng sông trên địa bàn huyện; đã tiến hành quan trắc và lập báo cáo hiện trạng môi trường huyện Đức Phổ năm 2015.

e) Về xây dựng nông thôn mới: Tổng kinh phí đầu tư xây dựng nông thôn mới là 40,884 tỷ đồng; UBND huyện đã chỉ đạo các xã kiện toàn các Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM xã, Ban phát triển thôn. Đến nay, số xã đạt 19 tiêu chí: có 01 xã (Phổ Vinh) chiếm tỷ lệ 7,14%; số xã đạt 15-18 tiêu chí: 02 xã, chiếm tỷ lệ 14,28% (Phổ Ninh, Phổ Hòa); số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 08 xã, chiếm tỷ lệ 57,14% (Phổ Thạnh, Phổ Châu, Phổ Khánh, Phổ Cường, Phổ Văn, Phổ Thuận, Phổ An, Phổ Quang); số xã đạt từ 8-9 tiêu chí: 03 xã, chiếm tỷ lệ: 21,42% (Phổ Nhơn, Phổ Minh, Phổ Phong).

f) Công tác ứng phó, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã kiện toàn Ban chỉ huy, xây dựng phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2015; tổ chức kiểm tra công tác phòng, chống lụt bão – tìm kiếm cứu nạn ở các xã, thị trấn để ứng phó kịp thời khi có tình huống xảy ra, hạn chế thiệt hại do bão lũ gây ra.

2. Thương mại - dịch vụ và giá cả thị trường

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ước cả năm đạt 7.287 tỷ đồng, tăng 39,2% so với năm 2014, đạt 102,14% kế hoạch năm.

a) Thương mại, dịch vụ, du lịch: Tiếp tục phát triển; hạ tầng bưu chính viễn thông được nâng cấp mở rộng; dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển, phục vụ ngày càng tốt hơn. Các cơ sở khách sạn, nhà hàng số lượng ngày càng tăng, chất lượng ngày càng tốt, từng bước đáp ứng yêu cầu lưu trú, nghỉ ngơi trên địa bàn huyện; tăng cường kiểm tra, nhắc nhở các hộ kinh doanh tại các điểm du lịch – dịch vụ du lịch trên địa bàn đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho du khách.

- Mạng lưới chợ đầu tư mở rộng phù hợp với phát triển đô thị. Toàn huyện có 24 chợ đang hoạt động ở 12 xã và thị trấn Đức Phổ (Trong đó, có 01 chợ hạng 1 (Chợ Đức Phổ mới thay thế cho Chợ Đức Phổ cũ), 11 chợ hạng 3 và 12 chợ chưa đủ điều kiện để xếp hạng); hiện đang xúc tiến công tác quy hoạch xây mới chợ Châu Me (xã Phổ Châu) và xây mới chợ Đàn (xã Phổ Cường); nhà đầu tư đang lập dự án xây dựng chợ Sa Huỳnh.

- Hoạt động vận tải: Ước cả năm, vận chuyển được gần 48.540 hành khách; vận tải hàng hóa ước đạt 17.360 tấn. Doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải ước đạt 5,854 tỷ đồng.

b) Tình hình giá cả thị trường: Công tác bình ổn giá đã được tăng cường, đảm bảo sản xuất, cung ứng, lưu thông hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, không xảy ra thiếu hàng. Tập trung thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, chống vận chuyển, buôn bán hàng lậu, hàng cấm, hàng giả. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” mang lại kết quả tích cực.

3. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước cả năm đạt 124,17 tỷ đồng, tăng 16,33% so với kế hoạch năm 2015 và Nghị quyết HĐND huyện. Tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước cả năm đạt 503,092 tỷ đồng.

4. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

Tổng số nợ đọng tính đến ngày 31/12/2015, ước khoảng 54,641 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014; trong đó, ngân sách Trung ương và tỉnh là 2,925 tỷ đồng (giảm 3,471 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014), ngân sách huyện là 8,793 tỷ đồng (giảm 30,826 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014), ngân sách xã, thị trấn là 42,923 tỷ đồng (giảm 1,702 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014).

5. Công nghiệp - xây dựng, kêu gọi thu hút đầu tư

a) Công nghiệp- TTCN, làng nghề: Giá trị sản xuất ước đạt 2.186 tỷ đồng, đạt 99,86% so với kế hoạch năm 2015, tăng 19,7% so với năm 2014. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 1.797 tỷ đồng, tăng 21,79% so với cùng kỳ năm 2014.

Đến nay, có 17 dự án đăng ký đầu tư vào các cụm công nghiệp, với tổng kinh phí đăng ký là 230,06 tỷ đồng. Trong đó, có 15 dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, với tổng kinh phí đầu tư 145,12 tỷ đồng, tạo việc làm cho 900 lao động tại địa phương, thu nhập bình quân 3 triệu đồng/người/tháng. Tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 80,66%; trong đó, Cụm CN-TTCN Phố Phong đạt 100%, cụm CN-TTCN Sa Huỳnh đạt 100%, cụm CN-TTCN Đồng Làng đạt 42%, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động. Riêng cụm CN Phố Hòa đã được UBND tỉnh thống nhất thành lập với diện tích 40.684 m²; hiện nay, huyện đã hoàn thành công tác đầu tư hạ tầng và bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần may Vinatex Đức Phổ để đầu tư nhà máy may xuất khẩu.

b) Về lĩnh vực xây dựng: Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách Nhà nước năm 2015 là 159,86 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh phân khai và vốn các chương trình mục tiêu quốc gia 82,45 tỷ đồng, vốn ngân sách Nhà nước do huyện phân khai 77,40 tỷ đồng.

Ước cả năm giải ngân 155,18 tỷ đồng, đạt 97,07% kế hoạch vốn năm 2015. Trong đó: nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh phân khai và các chương trình mục tiêu quốc gia ước giải ngân đạt 78,70 tỷ đồng, đạt 95,5% kế hoạch vốn; nguồn vốn ngân sách Nhà nước do huyện phân khai, ước giải ngân đạt 76,47 tỷ đồng, đạt 98,8% kế hoạch vốn năm 2015.

Công tác quyết toán vốn đầu tư được UBND huyện tập trung chỉ đạo, giải quyết những vướng mắc về thủ tục đầu tư, đẩy nhanh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành. Trong năm, đã thẩm định và quyết toán 23 dự án, công trình, với tổng số vốn quyết toán được phê duyệt 49,025 tỷ đồng; qua thẩm tra phê duyệt quyết toán đã giảm chi được 3,799 tỷ đồng so với tổng dự toán phê duyệt.

c) Về xây dựng đô thị: Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm, đầu tư mới và chỉnh trang cơ sở hạ tầng nội thị.

UBND tỉnh đã phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ (Khu vực thị trấn Đức Phổ mở rộng), với phạm vi lập quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Đức Phổ và 06 xã: Phố Hòa, Phố Ninh, Phố Minh, Phố Vinh, Phố Văn, Phố Quang, với tổng diện tích 9.027,18 ha; đã hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Xây dựng thẩm định và công nhận đô thị Đức Phổ đạt đô thị loại IV. Đồng thời, đang tiến hành rà soát các đồ án quy hoạch chi tiết và thực hiện quy hoạch phân khu thuộc phạm vi Khu vực thị trấn Đức Phổ mở rộng, tổ chức quy hoạch chi tiết, phân loại đô thị loại V làm cơ sở để lập Đề án thành lập thị xã Đức Phổ và các phường thuộc thị xã.

d) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư: Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung cao độ cho việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng

mặt bằng các dự án. Đặc biệt 02 dự án có tính chất quan trọng là: Dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 và Quốc lộ 24 đoạn qua huyện Đức Phổ đến nay cơ bản hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, nhà đầu tư thi công và đưa vào sử dụng. Hiện còn một số trường hợp vướng mắc, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo, giải quyết dứt điểm trong thời gian đến.

e) Công tác kêu gọi thu hút đầu tư: Nhà đầu tư Công ty cổ phần Vinatex Đà Nẵng đã đầu tư nhà máy may xuất khẩu “Công ty cổ phần may Vinatex Đức Phổ” tại Cụm công nghiệp Phổ Hòa; chấp thuận cho Công ty Cổ phần Anh Việt Mỹ khảo sát, lập dự án Chợ Sa Huỳnh kết hợp khu nhà ở thương mại, dịch vụ xã Phổ Thạnh; Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch Sa Huỳnh của Công ty Cổ phần Dịch vụ cấp nước Sa Huỳnh; Công ty Viên nén sinh học Đức Phổ Xanh đầu tư vào Khu Công nghiệp Phổ Phong, Nhà máy gạch không nung đầu tư vào Cụm Công nghiệp – TTCN Đồng Làng; đang xem xét chấp thuận cho Công ty TNHH mai táng Bốn Hào đầu tư xây dựng Khu nghĩa địa tại xã Phổ Ninh và Phổ Thạnh.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Hoạt động Văn hóa, văn nghệ, Thể thao, Phát thanh - Truyền hình

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với nhiều loại hình phong phú, đa dạng. Tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn trong năm: lễ kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng huyện Đức Phổ, 70 năm ngày truyền thống công an Nhân dân và 10 năm ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 85 năm ngày diễn ra sự kiện biểu tình chiếm Huyện đường Đức Phổ; tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp; công tác giao nhận quân năm 2015...

- Thường xuyên kiểm tra các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được các cấp ngành và UBMTTQVN phối hợp thực hiện, ngày càng đi vào cuộc sống; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 85% (Nghị quyết HĐND 80-90%); thôn, tổ dân phố văn hóa đạt tỷ lệ 80% (Nghị quyết HĐND 80-85%); cơ quan, đơn vị trường học đạt chuẩn văn hóa 90% (Nghị quyết HĐND 90-95%)

- Công tác Truyền thanh - Truyền hình đã tập trung tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Hiện nay, có 15/15 Đài cơ sở được đầu tư, nâng cấp mới, đảm bảo cho công tác tuyên truyền trên địa bàn huyện.

2. Công tác lao động - việc làm, chính sách người có công

- Thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội đạt được một số kết quả:

+ Đã tiếp nhận và cấp các nguồn kinh phí của các cấp hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi với tổng số tiền 7,32 tỷ đồng; phân phối, cấp phát 166,135 tấn gạo do Chính phủ hỗ trợ nhân dân cứu đói trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi,

giáp hạt và mưa lũ năm 2015 theo chỉ đạo của UBND tỉnh đảm bảo đúng đối tượng.

+ Đảm bảo công tác chính sách với thương binh, liệt sĩ, người có công cách mạng, chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng người có công cách mạng với tổng kinh phí: 108,08 tỷ đồng; trợ cấp một lần cho các đối tượng người có công là 16,70 tỷ đồng; tổ chức Lễ tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 410 mẹ; đã tiếp nhận và cấp phát quà của Chủ tịch nước, UBND tỉnh và huyện với tổng số tiền 4,72 tỷ đồng; cấp phát 940 suất quà của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh cho Mẹ Việt Nam anh hùng và thân nhân Mẹ Việt Nam anh hùng đang thờ cúng Mẹ trên địa bàn huyện; phân khai kinh phí xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg trong năm 2015 là 30 nhà với kinh phí: 1,200 tỷ đồng.

+ Chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng Bảo hiểm xã hội với kinh phí chi trả: 23,50 tỷ đồng; trợ cấp mai táng phí đối tượng Bảo hiểm xã hội: 310 người, với tổng kinh phí: 930 triệu đồng. Ước cả năm tiến hành cấp thẻ Bảo hiểm Y tế cho các đối tượng chính sách: 84.046 thẻ. Tổ chức mừng thọ, tặng quà cho người cao tuổi tròn 90 và 100 tuổi nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi cho 256 cụ, kinh phí: 132,41 triệu đồng.

- Trong năm, đã tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm cho 6.800 lao động, đạt 100% so với kế hoạch năm và HĐND huyện, tăng 4,6% so với năm 2014; có 553/487 (chỉ tiêu) học viên tham gia lớp học nghề đào tạo cho lao động nông thôn, tăng 13,5% so với chỉ tiêu tỉnh giao. Đã đăng ký xuất khẩu lao động năm 2015 là 24 người.

3. Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm đúng mức; ý thức, thái độ phục vụ được nâng cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư tốt hơn để phục vụ cán bộ và nhân dân. Mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe trong hệ thống y tế từ huyện đến xã luôn được kiện toàn và hoạt động hiệu quả. Công tác phòng, chống dịch bệnh được các cấp quan tâm, dịch bệnh được ngăn chặn kịp thời, do đó, từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện chưa có xảy ra các ổ dịch lớn.

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2015”. Tổ chức thanh, kiểm tra các dịch vụ nấu ăn lưu động và xử phạt hành chính với số tiền 25,8 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực hành nghề Y, được tư nhân với số tiền 19,5 triệu đồng. Trong năm 2015, đã tổ chức 3 đợt hiến máu tình nguyện, tiếp nhận được 1.016/550 (chỉ tiêu) đơn vị máu, đạt 184,7 % so với chỉ tiêu tỉnh giao. Đến nay, trên địa bàn toàn huyện có 15/15 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt 100%.

- Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt được kết quả tích cực; công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được chú trọng. Tiếp tục triển khai công tác truyền thông về Đề án

kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển thuộc Đề án 52 đối với 6 xã ven biển. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,84%, giảm tỷ lệ sinh dưới 0,2‰; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 8% .

4. Lĩnh vực BHXH, BHYT

Số người tham gia ngày càng tăng, ước tính đến ngày 31/12/2015 có 113.967 người tham gia BHXH, BHYT, BHTN với số thu đạt 105.905 triệu đồng, đạt 105,2% chỉ tiêu kế hoạch năm; tăng 44,2% về số người tham gia và tăng 15,8% về số thu so với cùng kỳ năm 2014; Chi lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội kịp thời cho các đối tượng, đảm bảo tốt quyền lợi của người tham gia và thụ hưởng các chế độ, chính sách theo luật định. Ước tính tổng số tiền chi trả lương hưu, BHXH trong năm là 103.004 triệu đồng; diện bao phủ BHYT so với dân số đạt 77,6%. Tình hình nợ đọng BHXH, BHYT tại các đơn vị, doanh nghiệp ước tính đến cuối năm 2015 là 1.500 triệu đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

5. Giáo dục và Đào tạo

- Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực; phương thức đào tạo được đổi mới và có nhiều cải tiến. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị giáo dục được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý giáo dục có chuyển biến tích cực; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được chuẩn hóa; chất lượng giáo dục các ngành học, cấp học ngày càng tốt hơn; công tác xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch; đến nay, toàn huyện có 44/54 trường đạt chuẩn quốc gia; Trong đó, mầm non 08/15 trường, tiểu học 20/21 trường, THCS 15/15 trường, THPT 1/3 trường (Trường Mầm non Phổ Vinh đang đề nghị tỉnh xét, công nhận trong năm 2015).

- Công tác phổ cập giáo dục tiểu học - đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở được củng cố, duy trì. Hiện nay, toàn huyện có 15/15 xã, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 100%.

- Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2014 – 2015 đúng nội dung chương trình; đã xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho 2.036 học sinh khối 5, đạt 99,36%, giảm 0,31% so với năm học trước; tốt nghiệp trung học cơ sở 1.698 học sinh, đạt 97,9 %, giảm 1,4% so với năm học trước; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 88,78%; tổng kết năm học 2014-2015 và triển khai nhiệm vụ năm học mới 2015-2016.

6. Ứng dụng khoa học và công nghệ

- Thông qua chương trình, dự án đã tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiệu quả cho nông dân.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan chuyên môn thuộc huyện. Đã triển khai phần mềm Văn phòng điện tử - eoffice cho tất cả phòng, ban thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn. Trang thông tin điện tử huyện đưa vào khai thác, sử dụng đạt được kết quả

nhất định; đến nay đã có trên 537.650 lượt người truy cập. Trong năm, đã đăng tải trên 150 tin, bài các loại và trên 500 văn bản.

- Bộ phận “Một cửa hiện đại huyện Đức Phổ” đã được đưa vào hoạt động; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, giảm phiền hà cho tổ chức, công dân. Từ ngày 25/5/2015 đến ngày 30/11/2015: đã tiếp nhận 1.810 hồ sơ các loại, đã giải quyết 1.480/1.810 hồ sơ (đạt 81,77% so với hồ sơ đã tiếp nhận); trong đó, hồ sơ giải quyết đúng hạn 1.185/1.480 hồ sơ (đạt 80,07% so với hồ sơ đã giải quyết), hồ sơ đã giải quyết nhưng trễ hạn 295/1.480 hồ sơ (đạt 19,93% so với hồ sơ đã giải quyết). Hồ sơ đang thụ lý giải quyết 330/1.810 hồ sơ (đạt 18,23% so với hồ sơ đã tiếp nhận). Hồ sơ trễ hạn chủ yếu ở lĩnh vực đất đai.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác tư pháp

- Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện năm 2015; Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2015; Kế hoạch triển khai công tác hòa giải ở cơ sở năm 2015 và kiểm tra tình hình thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở trên địa bàn huyện. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: triển khai kế hoạch lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi); tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Tiếp công dân, Luật Phòng, chống ma túy và tuyên truyền một số nghị định của chính phủ; Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức các cơ quan, công chức các xã, thị trấn làm nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính,...

- Công tác hộ tịch và chứng thực được thực hiện nhanh chóng và đúng pháp luật; trong năm đã tiếp nhận 232 vụ tranh chấp, mâu thuẫn, đã tiến hành hoà giải 185 vụ việc; trong đó, hoà giải thành 164 vụ việc, hoà giải không thành 21 vụ việc; 21 trường hợp đang xác minh; chuyển cơ quan cấp thẩm quyền 33 vụ việc; còn tồn 21 vụ việc.

2. Công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Công tác thanh tra được triển khai thực hiện theo kế hoạch và đột xuất, tổ chức thanh tra về thực hiện chế độ trách nhiệm thủ trưởng trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các trường hợp sai phạm theo quy định.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tổ chức tiếp dân định kỳ, đơn thư khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng theo qui định của pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Từ đầu năm đến nay, cơ quan hành chính toàn huyện tiếp nhận tổng cộng 563 đơn, tăng 33,1% so với cùng kỳ năm 2014; đơn đủ điều kiện xử lý là 188 đơn (chiếm 33,39% so với tổng số đơn đã tiếp nhận). Huyện đã giải quyết đơn khiếu nại theo thẩm quyền 14/22 vụ (đạt 64%), đơn tố cáo thuộc thẩm quyền 02/03 đơn (đạt 67%); đơn kiến nghị, phản ánh 35/52 đơn (đạt 67%). Xã đã giải quyết đơn khiếu nại theo thẩm quyền 09/18 vụ (đạt 50%), tố cáo theo thẩm quyền 02/02 vụ (đạt 100%); đơn kiến nghị, phản

ánh 70/90 đơn (đạt 78%), các đơn còn lại đang được thụ lý giải quyết. Kết quả giải quyết đơn thư trong huyện đạt 70,7%.

- Đã thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Huyện đã chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật kết hợp với việc thực hiện các giải pháp phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Công tác tổ chức chính quyền

Công tác xây dựng chính quyền được quan tâm đúng mức; đã lập thủ tục và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm, tiếp nhận miễn nhiệm, miễn nhiệm, phê chuẩn, tiếp nhận phân công công tác được thực hiện đúng quy trình, minh bạch, công khai, dân chủ (*Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được lập thủ tục và quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm, tiếp nhận miễn nhiệm, miễn nhiệm, phê chuẩn, tiếp nhận phân công công tác là 73 người*).

Công tác cán bộ và chính sách cán bộ được triển khai thực hiện tốt; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy; xây dựng chính quyền, địa giới hành chính; quản lý Nhà nước về công tác hội, văn thư lưu trữ; công tác thi đua – khen thưởng; công tác tôn giáo; công tác quản lý Nhà nước về thanh niên,... triển khai thực hiện đạt kết quả; tuyển dụng 145 giáo viên trong kỳ xét tuyển của huyện.

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015; niêm yết công khai các bộ thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

4. Quốc phòng, An ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng - an ninh được ổn định và giữ vững. Hoàn thành các chỉ tiêu về công tác quốc phòng - quân sự địa phương, thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quy chế phối hợp giữa 3 lực lượng Quân sự - Công an - Biên phòng được tăng cường; công tác giao nhận quân năm 2015 đạt chỉ tiêu tính giao.

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đã chủ động tổ chức mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; tăng cường tuần tra kiểm soát và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, phòng chống ma túy, mại dâm.

Từ ngày 01/12/2014 đến ngày 30/11/2015, trên địa bàn huyện đã xảy ra 18 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 20 người, bị thương 10 người (*so với cùng kỳ năm 2014 tăng 01 vụ; tăng 03 người chết; giảm 03 người bị thương*); tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 03 vụ, làm 03 người chết (*So với cùng kỳ năm 2014 tăng 01 vụ, tăng 01 người chết*); đường thủy xảy ra 01 vụ (*so với cùng kỳ năm 2014 tăng 01 vụ, không thiệt hại về người*).

5. Công tác phối hợp với Thường trực HĐND huyện và Ủy ban Mặt trận, các Hội đoàn thể huyện

Chủ động giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND huyện, thông báo cho Thường trực HĐND huyện những Quyết định, Chỉ thị của UBND huyện để Thường trực HĐND huyện có điều kiện đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện. Phối hợp với Thường trực HĐND huyện giải

quyết những vấn đề phát sinh, xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp để đảm bảo thực hiện Nghị quyết HĐND huyện.

Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, Đoàn thể huyện bảo vệ lợi ích chính đáng của hội viên, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo điều kiện UBMTTQVN và các Hội, Đoàn thể huyện hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ; thông báo tình hình mọi mặt của địa phương cho UBMTTQVN và các Hội đoàn thể huyện biết; xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của UBMTTQVN huyện và các Hội đoàn thể cùng cấp.

6. Công tác dân vận của chính quyền

UBND huyện đã chỉ đạo các ngành và các địa phương tập trung giải quyết những kiến nghị, yêu cầu và những vấn đề bức xúc của công dân, thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở; kịp thời nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng trong mọi tầng lớp nhân dân; nâng cao nhận thức, tác phong làm việc, ý thức phục vụ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, qua đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

B. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt còn chậm. Tính tự phát trong nuôi trồng thủy sản còn cao, chất lượng con giống thấp, ô nhiễm môi trường chưa được giải quyết triệt để dẫn đến dịch bệnh; tình hình biển Đông tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy hải sản của ngư dân.

- Triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương vẫn còn chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra; chưa chú trọng đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Một số vấn đề phát sinh trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa được giải quyết kịp thời, nhất là việc bố trí tái định cư của các dự án của huyện. Công tác giải ngân nguồn vốn xây dựng cơ bản còn chậm.

- Tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định tuy có khắc phục nhưng chưa triệt để, học sinh bỏ học ở các cấp có chiều hướng gia tăng; số lượng và chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tuy có cải thiện nhưng chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân; xuất khẩu lao động đạt thấp.

- Công tác phòng chống, tệ nạn xã hội tuy đã tập trung xử lý, triệt xóa nhưng một số tệ nạn xã hội như sử dụng ma túy, trộm cắp, cướp giật tài sản, cố ý gây thương tích vẫn còn là vấn đề bức xúc. Giải quyết đơn thư công dân còn chậm, chưa đạt tỷ lệ giải quyết theo quy định.

- Tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức có tiến bộ nhưng còn thụ động trong công tác tham mưu, chất lượng tham mưu giải quyết công việc chưa cao; sự phối hợp trong giải quyết của một số phòng, ban, đơn vị và xã, thị trấn chưa tốt.

*** Đánh giá chung**

Trong năm 2015, tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả tích cực, các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch năm 2015, tổng giá trị sản xuất tăng 18,7%, thu ngân sách tăng khá; công tác kiểm soát dịch bệnh được thực hiện tốt, sản lượng thủy sản khai thác tăng, số lượng tàu thuyền đóng mới, cải hoán vượt kế hoạch; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng. Công tác văn hóa - xã hội đạt kết quả thiết thực; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng được giữ vững. Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tạo ra phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, do tác động của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: tình hình học sinh bỏ học tăng so với năm học trước; vốn đầu tư giải ngân còn chậm; công tác bồi thường, tái định cư và giải phóng mặt bằng của các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện vẫn còn tồn tại, vướng mắc, chưa giải quyết dứt điểm; chương trình xây dựng nông thôn mới còn chậm so với kế hoạch; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tuy đã tập trung giải quyết, song tỷ lệ giải quyết chưa đạt mức UBND tỉnh yêu cầu (85%).

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

I. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của năm 2016 là tiếp tục ổn định kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng hợp lý, phát triển bền vững; huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị để trở thành thị xã Đức Phổ. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý Nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất (*giá so sánh năm 2010*) đạt 14.060,9 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế là 18%, trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,5%; Công nghiệp và xây dựng là 20,4%; Dịch vụ là 23,1%;

- Cơ cấu ngành kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 43,4%; thương mại - dịch vụ 39,1%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,5%;

- Bình quân giá trị sản xuất/người: 55 triệu đồng;

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 3.000 tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 129,72 tỷ đồng; tổng chi ngân sách huyện 421,69 tỷ đồng.
- Các sản phẩm chủ yếu: sản lượng lương thực 57.192 tấn, trong đó, thóc 55.692 tấn, ngô 1.500 tấn. Sản lượng thủy sản: 65.540 tấn, trong đó khai thác: 62.015 tấn; thủy sản nuôi trồng: 3.525 tấn (tôm nuôi: 2.610 tấn). Sản lượng muối rảo từ: 8.500 - 9.000 tấn.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản 658 ha, trong đó, nuôi tôm 310 ha;
- Trồng rừng tập trung 600 ha; tỷ lệ che phủ rừng 40,5%;

2. Về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,9%; dân số trung bình 150.286 người;
- Tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm 7.300 lao động;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) còn 2,88%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 49%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 78% so với dân số;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9%;
- Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa:
 - + Hộ gia đình: 87%;
 - + Thôn, tổ dân phố: 85%;
 - + Cơ quan, trường học: 90%
- Xã đạt chuẩn về nông thôn mới: phần đầu đạt 02 xã (Phổ Hòa, Phổ Ninh);
- Số trường đạt chuẩn Quốc gia: tăng thêm 01 trường (01 trường mầm non);
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện: 100%.

3. Về quốc phòng - an ninh

- Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu giao;
- Quản lý, giao nguồn huấn luyện lực lượng dự bị động viên đạt 95%;
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ quy định.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về lĩnh vực kinh tế

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện; khảo sát, chuyển đổi cây trồng đối với những diện tích đất sản xuất kém hiệu quả; sử dụng các loại giống mới có tiềm năng, năng suất và chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh tốt để đưa vào sản xuất; tập trung công tác phòng chống thiên tai; tiếp tục triển khai thực hiện chương trình dồn điền, đổi thửa. Phát triển

chăn nuôi theo hướng tập trung, mô hình trang trại; chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trong sản xuất, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ ngư dân, vận động, nâng cấp tàu cá... theo Nghị định số 89/2015/NĐ-CP; gắn kết giữa khai thác, nuôi trồng với chế biến và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

- Chỉ đạo thả nuôi thủy sản đúng lịch thời vụ, kiểm soát chặt chẽ nguồn giống; tăng cường hỗ trợ kiểm soát dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm. Triển khai một số mô hình mới vào nuôi tôm; mở rộng mô hình nuôi cá nước ngọt. Từng bước đầu tư nâng cấp đồng muối Sa Huỳnh để nâng cao chất lượng muối.

- Tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc rừng, nhất là công tác phòng cháy chữa cháy rừng; thực hiện tốt phương án giao đất, giao rừng; kiên quyết xử lý các vụ phá rừng và chống người thi hành công vụ, nhằm ngăn chặn hiệu quả nạn phá rừng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020. Phần đầu năm 2016: có 02 xã điểm đạt 19 tiêu chí; các xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí thì tăng thêm 1 đến 2 tiêu chí; các xã đạt từ 8 đến 9 tiêu chí thì tăng thêm 2 đến 3 tiêu chí.

- Tập trung khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém và tăng cường trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2016. Thực hiện giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chú trọng xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp - TTCN để quảng bá, kêu gọi đầu tư. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đầu tư vào địa bàn huyện; tăng cường kiểm tra việc sử dụng đất đã giao cho các nhà đầu tư; có kế hoạch và biện pháp khôi phục, khuyến khích và phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương như mây tre đan, chế biến hải sản, chổi đót; phối hợp với các sở, ngành ở tỉnh, chủ đầu tư và nhà đầu tư tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và các vùng kinh tế động lực; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị loại IV; thực hiện đầu tư nâng cấp đô thị Sa Huỳnh để đạt các tiêu chí đô thị loại V. Hoàn thành việc tổ chức quy hoạch chi tiết, phân loại đô thị loại V thuộc phạm vi thị trấn Đức Phổ và 06 xã của Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ: Phổ Hòa, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Văn, Phổ Quang và lập Đề án thành lập thị xã Đức Phổ và các phường thuộc thị xã. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, chấn chỉnh tình trạng xây dựng không phép, sai phép và không phù hợp với quy hoạch.

- Hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, lập thủ tục các dự án chuẩn bị đầu tư, triển khai các dự án thực hiện đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng; đảm bảo giải ngân đạt tiến độ theo kế hoạch vốn được tính phân khai, vốn ngân sách huyện, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác năm 2016; quyết toán kịp thời các hạng mục công trình, dự án hoàn thành đã đưa vào sử dụng.

- Phát triển các điểm du lịch - dịch vụ biển theo quy hoạch chi tiết, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào các điểm du lịch Châu Me, Nam Phước, Hội An và Khu du lịch Đặng Thuỳ Trâm. Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng, phát triển nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí có chất lượng phục vụ cao.

- Thực hiện thu và chi ngân sách đúng Luật ngân sách và theo chỉ tiêu được giao. Khai thác tốt các nguồn thu và chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh công tác thu thuế, phí, lệ phí, thu hồi nợ thuế. Quản lý thu thuế đúng quy định đối với doanh nghiệp thuê đất khai thác vật liệu xây dựng thông thường, các doanh nghiệp thi công các dự án trên địa bàn; khai thác đầy đủ, hợp lý các nguồn thu và thực hành tiết kiệm chi, chống tham nhũng lãng phí. Thực hiện tốt các quy định về khuyến khích vận động nhân dân thực hiện chủ trương “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Tiếp tục quán triệt, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tuyên truyền thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Huyện ủy; tuyên truyền phổ biến pháp luật; nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; phòng, chống bạo lực gia đình; thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; nâng cao chất lượng các chương trình thời sự, chuyên mục, chuyên đề của Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện và hệ thống Đài cơ sở.

- Đảm bảo các chế độ, chính sách cho thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công cách mạng. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tạo việc làm. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động trên địa bàn huyện.

- Cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học; tăng cường ứng dụng CNTT trong các cơ quan, trường học. Tiếp tục xây dựng trường lớp theo hướng chuẩn hóa và kiên cố hóa, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục, chống tái mù chữ; xã hội hóa giáo dục; tăng cường công tác quản lý học sinh, sinh viên; phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; chấn chỉnh việc học thêm, dạy thêm không đúng quy định. Triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

- Tăng cường công tác truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số. Nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và ngăn ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dân số gắn với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao y đức, chất lượng khám chữa bệnh; kiểm soát và phòng, chống có hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm lây nhiễm ở người. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với dịch vụ y dược tư nhân, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia; vận động tốt nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

3. Về lĩnh vực nội chính và xây dựng chính quyền

- Tổ chức thực hiện tốt các cuộc thanh tra nhằm phát hiện kịp thời sai phạm trong quản lý hành chính nhà nước, trong hoạt động sản xuất kinh doanh để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ và tiếp dân thường xuyên. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; củng cố, kiện toàn tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo. Củng cố hoạt động các Ban thanh tra nhân dân cấp xã nhằm góp phần thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng, thẩm định, góp ý, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng thẩm định, bảo đảm đúng tiến độ 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện tự kiểm tra 100% văn bản của UBND huyện sau khi ban hành. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân. Nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý cho người dân đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và chức danh lãnh đạo các phòng, đơn vị huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực huyện, đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hoá, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ - công chức đáp ứng phục vụ tốt công việc trong tình hình mới; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chế độ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực thi công vụ; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức Tư pháp – Hộ tịch xã và một số lĩnh vực khác theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu suất, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện; triển khai cơ chế một cửa hiện đại tại các xã, thị trấn. Triển khai thực hiện tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

4. Quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

- Giáo dục quốc phòng - an ninh cho đối tượng 4 đạt 100%; động viên quân dự bị và tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,5% dân số; hoàn thành tiêu chí xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh và xã, thị trấn vững mạnh toàn diện. Tổ chức diễn tập cơ quan quân sự huyện và các xã, thị trấn theo Nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm; tăng cường đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thực hiện tốt các biện pháp kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông; tăng cường công tác trấn áp tội phạm tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác; Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, kế hoạch liên tịch; chương trình phối hợp hành động trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc".

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của năm 2015 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo để HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: *Hg*

- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh (KVDP);
- TTHU, TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- CT, PCT, UV UBND huyện;
- BTT UBMTTQVN huyện;
- Các Hội, Đoàn thể huyện;
- Văn phòng Huyện uỷ;
- Các phòng, ban, đơn vị huyện;
- VP: CVP, PCVP, các CVVP;
- Lưu: VT, CVVP^{Thương}.



[Handwritten signature]
Trần Em



**PHÂN HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015
VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016**
(Bản hành kèm theo Báo cáo số 356 /BC-UBND ngày 03/12/2015 của UBND huyện Đức Phổ)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Năm 2015		Số năm (%)			Kế hoạch năm 2015 (Giá so sánh năm 2010)
				Kế hoạch hình giao	Nghi quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/SO HĐND và KH huyện	
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU								
1.1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	6.197.90	7.346.16	7.356.90	100,15	118,70	14.060,90	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	788.60	800.73	803.40	100,33	101,88		
	Trong đó: - Nông nghiệp	"	209.90	212.13	212.80	100,32	101,38		
	Trong đó: + Trồng trọt	"	154.30	155.50	155.70	100,13	100,91		
	+ Chăn nuôi	"	55.60	56.81	57.10	100,51	102,70		
	- Lâm nghiệp	"	19.50	19.60	19.60	100,00	100,51		
	- Thủy sản	"	559.20	568.85	571.00	100,38	102,11		
	- Công nghiệp, xây dựng	"	2.711.40	3.561.04	3.638.50	102,18	134,19		
	Trong đó: + Công nghiệp	"	1.826.40	2.189.00	2.186.00	99,86	119,69		
	+ Xây dựng	"	885.00	1.372.04	1.452.50	105,86	164,12		
	- Thương mại, Dịch vụ	"	2.697.90	2.894.39	2.915.00	100,71	108,05		
	* Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	10.344,47		11.909,40		117,43	14.060,90	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	2.369.17		2.474.70		104,45	2.457,90	
	Trong đó: - Nông nghiệp	"	709.74		712.40		100,37	737,40	
	Trong đó: + Trồng trọt				521.50				
	+ Chăn nuôi				190.90				
	- Lâm nghiệp		48.81		48.81		100,00	50,50	
	- Thủy sản		1.610.78		1.613.50		100,17	1.670,00	
	- Công nghiệp, xây dựng		3.650.30		5.071.60		138,94	6.108,00	
	Trong đó: + Công nghiệp				2.523.00				
	+ Xây dựng				2.548.60				
	- Thương mại, Dịch vụ		4.122.00		4.463.10		108,28	5.495,00	
1.2	Tốc độ tăng trưởng GTSX (giá so sánh năm 1994)	%	13,68	18,50	18,69	0,19	5,01		
	- Nông - lâm - ngư nghiệp	"	4,90	1,60	1,87	0,27	-3,03		
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	16,73	34,60	34,19	-0,41	17,46		

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Năm 2015		Số sánh (%)			Kế hoạch năm 2016 (Giá so sánh năm 2010)
				Kế hoạch tỉnh giao	Nghị quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/NQ HĐND và KH huyện	
	- Thương mại - Dịch vụ	"	15.00		7.30	8.05			
I.3	* Cơ cấu kinh tế (giá so sánh năm 1994)	%	100		100	100			
	- Nông - lâm - ngư nghiệp	"	12.72		10.9	10.9			
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	43.75		49.7	49.5			
	- Thương mại - Dịch vụ	"	43.53		39.4	39.6			
	* Cơ cấu kinh tế (giá so sánh năm 2010)		100		100	100			100
	- Nông - lâm - ngư nghiệp		23.40		19.9	19.9			-3.50
	- Công nghiệp - Xây dựng		36.00		42.6	42.6			6.60
	- Thương mại - Dịch vụ		40.60		37.5	37.5			-3.10
I.4	Tỷ lệ đóng góp	%	13.68		18.53	18.69			5.01
	- Nông - lâm - ngư nghiệp	"	1.74		2.02	2.04			0.30
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	5.98		9.21	9.25			3.27
	- Thương mại - Dịch vụ	"	5.95		7.30	7.40			1.45
II	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2,860		3,100	2,950			103.15
III	Thủ chi ngân sách								
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	136,900		106,735	124,170			90.70
2	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	481,35		387,557	503,092			104.52
	- Chi đầu tư phát triển	"	71,439		76,477	76,477			107.05
	Trong đó: Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	"			30,326	30,326			
	- Chi thường xuyên	"			307,977	307,977			
IV	Sản phẩm chủ yếu								
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản								
a)	Nông nghiệp								
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	58,694	58,310	60,506	60,506	103.77	103.09	57,192
	Trong đó: + Thóc	Tấn	57,252	56,814	58,770	58,770	103.44	102.65	55,692
	+ Ngô	Tấn	1,442	1,496	1,736	1,736	116.04	120.39	1,500
	- Sản lượng lương thực bình quân đầu người	Kg/người	397		409	409		103.02	
	- Một số cây trồng chủ yếu								
	+ Lúa: Diện tích	Ha	10,320	10,165	10,221	10,221	100.55	99.04	10,200
	Năng suất	Tạ/ha	55.50	55.90	57.50	57.50	102.86	103.60	54.60



CHỦ YẾU

TT	Đơn vị tỉnh	Thực hiện 2014	Năm 2015			So sánh (%)			Kế hoạch năm 2015 (Giá s so sánh năm 2010)	
			Kế hoạch tỉnh giao	Nghi quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/NQ HĐND và KH huyện	Ước TH 2015/TH năm 2014		
San lượng	Tấn	57.252	56.814	56.814	58.770	103,44	103,44	102,65	55,6	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	287	302	302	327	108,28	108,28		113,94
	Năng suất	Tạ/ha	50,20	49,50	50,00	53,10	107,27	106,20		105,78
	San lượng	Tấn	1.442	1.496	1.496	1.736	116,04	116,04		120,39
	+ Sản: Diện tích	Ha	1.350	1.350	1.600	1.300	96,30	81,25		96,30
	Năng suất	Tạ/ha	182	179,6	200	170	94,65	85,00		93,41
	San lượng	Tấn	24.570	24.250	32.000	22.100	91,13	69,06		89,95
	+ Mía cây: Diện tích	Ha	832	850	900	827	97,29	91,89		99,40
	Năng suất	Tấn/ha	55,00	56,50	56,00	46,14	81,66	82,39		83,89
	San lượng	Tấn	45.733	48.025	49.500	38.157	79,45	77,08		83,43
	+ Lạc: Diện tích	Ha	395	315	315	370	117,46	117,46		93,67
	Năng suất	Tạ/ha	17,20	17,70	18,00	17,70	100,00	98,33		102,91
	San lượng	Tấn	678	559	559	656	117,35	117,35		96,76
	+ Đậu: Diện tích	Ha	27	25	25	25	100,00	100,00		92,59
	Năng suất	Tạ/ha	11,70	14,40	14,40	12,60	87,50	87,50		107,69
San lượng	Tấn	32	36	36	32	88,89	88,89	100,00		
+ Rau: Diện tích	Ha	724	719	735	677	94,16	92,11	93,51		
Năng suất	Tạ/ha	184,10	184,80	184,00	185,10	100,16	100,60	100,54		
San lượng	Tấn	13.330	13.286	13.532	12.540	94,39	92,67	94,07		
- Đàn gia súc:		45.587	44.755	47.100	48.385	108,11	102,73	106,14		
+ Đàn trâu	Con	1.217	1.220	1.220	1.270	104,10	104,10	104,35		
+ Đàn bò	Con	28.410	28.160	30.000	30.370	107,85	101,23	106,90		
Tỷ trọng bò lai	%	85,00	66,10	85,00	86,50	20,40	1,50	1,50		
+ Đàn heo	Con	15.960	15.375	15.375	16.745	108,91	108,91	104,92		
+ San lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	4.677	4.577	4.577	4.720	103,12	103,12	100,92		
b) Lâm nghiệp										
- Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	14.918	14.918	14.918	16.734,28	112,18	112,18			
Trong đó: + Rừng tự nhiên	"	1.346	1.346	1.346	1.346,62			100,05		
+ Rừng trồng	"	13.572	13.572	13.572	15.387,66			113,38		
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	1.320	1.320	1.750	900		51,43	68,18		

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Năm 2015				So sánh (%)			Kế hoạch năm 2016 (Giá so sánh năm 2010)
				Kế hoạch tỉnh giao	Nghị quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/NQ HĐND và KH huyện	Ước TH 2015/TH năm 2014		
	- Trồng mới rừng tập trung Trong đó: + Trồng rừng ph.hộ và đặc dụng + Trồng rừng sản xuất	" " "	750 750 45.000	50 50 50.000	600 600 36.800	1.200,00 1.200,00 73,60	100,00 100,00 81,78	80,00 80,00 81,78	600 600		
c)	Thủy sản										
	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	63.372	44.274	63.541	146,96	102,40	102,67	65.540		
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	59.870	40.603	59.870	151,54	102,77	102,77	62.015		
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	3.502	3.671	3.671	96,30	96,30	100,94	3.525		
	Trong đó: Tôm nuôi	Tấn	2.580	2.660	2.660	94,36	94,36	97,29	2.610		
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	656	458	658	143,67	100,00	100,30	658		
	Trong đó: Tôm nuôi	Ha	290	160	310	193,75	100,00	106,90	310		
d)	Muối:										
	- Diện tích	Ha	115,2		135	116	85,93	100,69	116		
	- Sản lượng	Tấn	9.100	8.500	10.000	111,76	95,00	104,40	9.600		
đ)	Thủy lợi										
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	10.200	4.350		234,48		100,00			
	Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	"	8.900	4.203		148,20		69,99			
2.	Công nghiệp										
	- Thủy sản chế biến	Tấn	14.000		14.500	14,500	100,00	103,57	15.000		
	- Đường RS (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	24.260		25.000	18,562	74,25	76,51	25.000		
	- Bánh kẹo các loại	Tấn	1,6		1,65	1,65	100,00	103,13	1,7		
	- Nước khoáng	1000 lít	7.100		7.500	7,500	100,00	105,63	8.750		
	- Gạch nung các loại	1000 viên	21.000		21.500	34,886	162,26	166,12	38.000		
	- Đá xây dựng các loại	1000m3	34.000		34.000	34,000	100,00	100,00	38.000		
	- Nước mắm	1000 lít	4.200		4.200	4,200	100,00	100,00	4.500		
	- Quần áo may sẵn	1000 chiếc	16.000		16.400	16,800	102,44	105,00	25.000		
	- Cải hoán và đóng mới tàu thuyền	Chiếc	54		60	115	191,67	212,96			
	- Điện sản xuất	Triệu kw/h	79		87	68	78,16	86,08	87		
	- Nước máy	1000m3	370		400	412	103,00	111,55	500		
	- Dăm bột giấy	Tấn	54.000		55.000		0,00	0,00			



TT	Đơn vị	Thực hiện 2014	Năm 2015				Số sách (%)		Ước TH 2015/TH năm 2014	Kế hoạch năm 2015 (Giá so sánh năm 2010)
			Kế hoạch tỉnh giao	Nghị quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/NQ HĐND và KH huyện			
3	Thuong mai dịch vụ									
	- Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	5,234	7,134	7,287	102.14	139.22	9,476.7		
4	Chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp									
	- Tổng số hợp tác xã	HTX	29	31	29	93.55	100.00	3		
	- Trong đó: Thành lập mới	"								
	- Tổng số xã viên hợp tác xã	Người	27,550	29,973	29,973	100.00	108.79	30,05		
	- Trong đó: Xã viên mới	"								
	- Tổng số lao động trong hợp tác xã	"	152	152	152	100.00	100.00	11		
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG									
1	Giáo dục									
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Châu	4,038	4,120	3,957	96.04	97.99	4,33		
	- Mầm non	Học sinh	10,227	10,207	10,159	99.53	99.34	10,398		
	- Tiểu học	"	7,755	8,017	7,777	97.01	100.28	8,15		
	- Trung học cơ sở	"	4,023	3,504	3,427	97.80	85.19	3,46		
	- Trung học phổ thông	"		1,800	1,695	94.17				
	- Hướng nghiệp dạy nghề phổ thông	"								
2	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	11	15	15	100.00	136.36	1		
3	Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	73	100	100	0.00	27.00	10		
4	Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Học sinh		150	138	92.00				
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	Xã	15	15	15	100.00	100.00	1		
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	%	100	100	100	0.00	0.00	10		
5	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường		45	44	88.89	160.00	1		
	- Mầm non	"	5	9	8	100.00	100.00	2		
	- Tiểu học	"	20	20	20	100.00	100.00	1		
	- Trung học cơ sở	"	15	15	15	100.00	100.00			
	- Trung học phổ thông	"	1	1	1	100.00	100.00			
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia	%								
	- Mầm non	"	33.3	60	60	0.00	26.70	66.6		
	- Tiểu học	"	95.2	95.2	95.2	0.00	0.00	95.2		
	- Trung học cơ sở	"	100	100	100	0.00	0.00	10		

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Năm 2015		So sánh (%)			Kế hoạch năm 2016 (Giá so sánh năm 2010)	
			Kế hoạch tỉnh giao	Nghị quyết HĐND và KH huyện	Ước TH 2015/KH tỉnh giao	Ước TH 2015/NQ HĐND và KH huyện	Ước TH 2015/TH năm 2014		
	- Trung học phổ thông	"	33.3	33.3		33.3	0.00	0.00	33.3
II. Y tế									
1	Dân số trung bình	1000 người	143,866	149,020	102.80	147,900	99.25	100.14	150,286
	<i>Trong đó:</i> Dân tộc thiểu số	"				37			
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0.84	0.84		0.84	0.00	-0.16	0.9
3	Tỷ lệ giảm sinh	‰	0.2	0.2		0.2	0.00	-0.10	
4	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	76	76		73	96.05	97.33	73
5	Tổng số giường bệnh	Giường	210	230	100.00	260	113.04	123.81	260
6	Số giường bệnh/vạn dân	"	14.2	14.2		17.6	123.94	123.94	17.3
7	Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	3.96	4.1		4.2	102.44	106.06	4.2
8	Số xã, phường, thị trấn có trạm y tế	Xã	15	15		15	100.00	100.00	15
9	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ định biên	Trạm	15	15		15	100.00	100.00	15
10	Số xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	Xã	6	8		6	75.00	100.00	9
11	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%		72.27		77.6	5.33		
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%		9.47		8	-1.47		9
III. Lao động, việc làm, giảm nghèo									
1	Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	Người	80,310	81,000		81,020	100.02	100.88	
	<i>Trong đó:</i> Số lao động được tạo việc làm mới	"	6,500	6,800		6,800	100.00	104.62	7,300
	<i>Trong đó:</i> Lao động nữ	"				3,536			
2	Tổng số hộ	Hộ	37,533	38,115	100.00	38,115	100.00	101.55	38,145
3	Số hộ nghèo	"	3,050	1,906	100.00	1,508	79.12	49.44	1,097
	<i>Trong đó:</i> Khu vực miền núi	"				162			
4	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	1,150	1,396	124.42	1,396	100.00	121.39	667
5	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%	7.64	5.69		3.96			2.88
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		47		47	100.00		49
IV. Văn hóa									
1	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa								
	<i>Trong đó:</i> - Gia đình văn hóa	%		85-90		85		-2.00	87
	- Thôn, khối phố văn hóa	%		80-85		80		-1.00	85
	- Cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa	%		90-95		90		13.00	90



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Năm 2015			So sánh (%)		Kế hoạch năm 20 (Giá s sánh nă 2010)
				Kế hoạch tính giao	Nghi quyết HĐND và KH huyện	Ước thực hiện	Ước TH 2015/KH tính giao	Ước TH 2015/NO HĐND và KH huyện	
2	Số xã, phường, thị trấn có điện bu điện văn hoá	xã	15		15	12	80,00	80,00	
3	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	xã				2			
4	Đường ký xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.	xã			2	2	100,00		
5	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	xã			3	1	33,33		
V	Các chỉ tiêu môi trường và xã hội khác								
1	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100		100	100	0,00	0,00	1
2	Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch	%	68		70	70	0,00	2,00	
3	Tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%	100		100	100	0,00	0,00	
4	Tỷ lệ xử lý rác thải, chất thải rắn ở đô thị	%	25		30	30	0,00	5,00	
5	Tỷ lệ xử lý rác thải, chất thải rắn ở nông thôn	%	15		20	20	0,00	5,00	
6	Số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã	Xã	15		15	15	0,00	0,00	

